| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Bùi ĐìnhThông

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Thu Hà; Bà Phan Thị Mai Hoa.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2020/TLST - HNGĐ, ngày 23/11/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST – DS ngày 11/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Anh Đặng Xuân Đ**, sinh năm 1980. (Tên gọi khác: Đặng Xuân P); Địa chỉ trước khi xuất cảnh : Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Xuân Đ kết hôn với nhau vào ngày 04/01/2010 tại Ủy ban nh ân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị L và anh Đ được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai năm. Đến đầu năm 2012 anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Do sống cách xa nhau, vợ chồng không thường xuyên L lạc quan tâm, chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống, nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị L không rõ địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Hàn Quốc, hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống

chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

*Về quan hệ con chung*: Quá trình sống chung, chị L và anh Đ có 01 con chung là Đặng Phương U, sinh ngày 01/6/2011. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Đặng Xuân Đ; Về con chung: Giao con chung Đặng Phương U, sinh ngày 01/6/2011 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét . Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 22484/QLXNC-P5, ngày 01/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Đặng Xuân P, sinh ngày 22/02/1983 số CMTND 183592377 đã xuất nhập cảnh 01 lần, xuất cảnh ngày 09/4/2012, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Toà án đã tiến hành xác minh qua người thân của anh Đặng Xuân Đ là ông Đặng Xuân T (bố đẻ) và anh Đặng Xuân H (em ruột). Tại Biên bản xác minh ông Đặng Xuân T cho biết: Anh Đặng Xuân Đ, sinh ngày 26/5/1980, số CMTND 183234730 ngày cấp 09/6/1998 và anh Đặng Xuân P, sinh ngày 22/3/1983, số CMTND 183592377 ngày cấp 03/9/2004 là một người, tất cả các giấy tờ đều lấy tên Đặng Xuân Đ, riêng hồ sơ xuất cảnh lấy tên Đặng Xuân P. Tại đơn đề nghị xác nhận hai tên là một người (bl 69) ông Đặng Xuân T cũng đã nói rõ lý do anh Đặng Xuân Đ lại có tên gọi, ngày tháng năm sinh, số CMTND khác là vì anh Đ đã đi nước ngoài một lần và bỏ trốn nên bị trục xuất về nước. Sau khi kết hôn với chị Nguyễn Thị L để đi được nước ngoài anh phải lấy tên gọi khác và sửa đổi ngày tháng năm sinh là Đặng Xuân P, sinh ngày 22/3/1983, số CMTND 183592377, ngày cấp 03/9/2004 để làm thủ tục xuất cảnh (tên gọi, ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư mới này thực chất là của em trai Đ). Tên gọi và chứng minh thư đúng là Đặng Xuân Đ, sinh ngày 26/5/1980, số CMTND 183234730, ngày cấp 09/6/1998. Còn tên gọi Đặng Xuân P, sinh ngày 22/3/1983, số CMTND 183592377, ngày cấp 03/9/2004 chỉ để làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động. Hiện tại Đặng Xuân P, sinh ngày 22/3/1983, số CMTND 183592377, ngày cấp

03/9/2004 đang sinh sống tại Hàn Quốc là con trai ruột của ông Đặng Xuân T và là chồng của Nguyễn Thị L. Qua cuộc gọi bằng hình ảnh thông qua ứng dụng Messger qua điện thoại có sự chứng kiến của chính quyền địa phương anh Đặng Xuân Đ cũng đã tiếp nhận và trình bày bản thân anh lấy tên gọi khác là Đặng Xuân P để làm hồ sơ xuất nhập cảnh. Trình bày của ông Đặng Xuân T, anh Đặng Xuân Đ cũng hoàn toàn phù hợp với trình bày của chị Nguyễn Thị L tại biên bản lấy lời khai (bl 34, 35) khẳng định mục đích của việc thay tên, ngày tháng năm sinh, chứng minh thư nhân dân của anh Đặng Xuân Đ là để làm hồ sơ xuất khẩu lao động. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định anh Đặng Xuân P, sinh ngày 22/02/1983 đã xuất nhập cảnh 01 lần, xuất cảnh ngày 09/4/2012 theo công văn số 22484/QLXNC-P5, ngày 01/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an với anh Đặng Xuân Đ, sinh ngày 26/5/1980, số chứng minh thư nhân dân số 183234730 là một người, anh hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc không có địa chỉ cụ thể. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại biên bản xác minh các ngày 24/11/2020, 08/12/2020 (bl 44, 45, 46 47, 51, 52) ông Đặng Xuân T (bố đẻ) và anh Đặng Xuân H (em ruột) trình bày thêm quá trình xuất khẩu lao động tại nước ngoài anh Đặng Xuân Đ thường xuyên L lạc về với gia đình qua điện thoại, biết việc chị Nguyễn Thị L làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn đối với anh, anh đã thông tin cho bố và em trai biết rõ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Về con chung giữa anh và chị L có 01 con chung là Đặng Phương U, sinh ngày 01/6/2011, khi ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nhận nuôi con chung, trong thời gian anh đang lao động tại Hàn Quốc thì bố đẻ ông Đặng Xuân T và em trai Đặng Xuân H sẽ thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Anh cũng không yêu cầu chị L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị L nhận nuôi con chung Đặng Phương U anh cũng đồng ý không có ý kiến gì; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng hiện tại anh đang lao động tại nước ngoài chưa thể về Việt Nam, trong nội dung đơn khởi kiện chị L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên anh nhất trí về tài sản chung vợ chồng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh đang lao động tự do tại Hàn Quốc, tính chất công việc thay đổi thường xuyên, không sống cố định nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án, thời gian này anh chưa thể về Việt Nam để tham gia quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Tòa án cũng đã ra văn bản về việc cung cấp địa chỉ cư trú tống đạt trực tiếp qua người thân nhưng không có kết quả. Ông Đặng Xuân T, anh Đặng Xuân H đều nhất trí phương án Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua gia đình và cam đoan sẽ gửi và thông tin đầy đủ cho anh Đ, nếu anh Đ gửi tài liệu về thì sẽ giao nộp cho Tòa án. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao

hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Xuân Đ theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Xuân Đ đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 04/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2012, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng sống cách xa nhau, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, nên tình cảm dần phai nhạt. Hiện tại, chị L và anh Đ đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới.

Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị L và anh Đ không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xử cho chị được ly hôn anh Đặng Xuân Đ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Xuân Đ có 01 con chung là Đặng Phương U, sinh ngày 01/6/2011. Khi ly hôn, chị L và anh Đ đều có nguyện vọng được nhận nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Yêu cầu, nguyện vọng của chị L và anh Đ là chính đáng. Tuy nhiên, xét thấy kể từ khi sinh ra cho đến hiện tại cháu Uyên sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, hiện cháu đang theo học lớp 4 tại trường Tiểu học xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Chị L có công việc làm ổn định, thu nhập 6.000.000đ/tháng tại Trường Trung học cơ sở K đảm bảo điều kiện để nuôi cháu U. Anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, anh có nguyện vọng nuôi con nhưng tính chất công việc anh thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, nên không thể trực tiếp chăm sóc cháu U. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống thường ngày của cháu Đặng Phương U cần giao cháu cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành. Anh Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83,123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Đặng Xuân Đ (Tên gọi khác Đặng Xuân P)

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Phương U, sinh ngày 01/6/2011cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Đặng Xuân Đ không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000077 ngày 23/11/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Khang;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Bùi Đình Thông**